TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25/9/2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Yên và ông Lý Văn Tòng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hứa Thị Hanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Đàm Như Hiển, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Anh Bàn Văn K, sinh năm 1987; Nơi đăng ký thường trú: Thôn LC, xã YN, tỉnh Tuyên Quang (trước là thôn LC, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang); Địa chỉ hiện tại: S16, N16, N228, K2, đường NK, thôn TH, quận Lộ Châu, thành phố Đào Viên (Đài Loan).

Đại diện theo ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Chị Hoàng Phương L, sinh năm 2001. Địa chỉ: S3, N115 NK, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

**** Bị đơn:*** Chị Hoàng Thị Thu T, sinh năm 1993; Nơi đăng ký thường trú: Thôn LC, xã YN, tỉnh Tuyên Quang (trước là thôn LC, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang); Địa chỉ hiện tại: S2, N1, N169, phố Fushou, quận TT, thành phố Tân Bắc (Đài Loan).

Đại diện theo ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2002. Địa chỉ: S3, N115 NK, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1974 và ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: Thôn LC, xã YN, tỉnh

Tuyên Quang (trước là thôn LC, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang).

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 03/6/2025 đều được anh K chứng thực tại Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc ngày 03/6/2025, nguyên đơn anh Bàn Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh Bàn Văn K và chị Hoàng Thị Thu T được tự do tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tháng 8 năm 2019 vợ chồng cùng nhau đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến tháng 3 năm 2021 chị T mang thai nên quyết định chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn để trở về Việt Nam sinh con, còn anh K tiếp tục ở lại Đài Loan làm việc. Từ khi chị T về Việt Nam vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước, sau nhiều lần hàn gắn tình cảm cuộc sống vợ chồng giữa anh K và chị T vẫn không có nhiều tiến triển tốt. Tháng 7 năm 2023 chị T đi xuất khẩu lao động tại Singapore đến tháng 01 năm 2025 thì quay lại Đài Loan. Kể từ năm 2021 anh K và chị T đã sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa. Trong thời gian sống ly thân anh K có về Việt Nam 02 lần nhưng anh K và chị T không gặp nhau, thỉnh thoảng anh K có gửi tiền cấp dưỡng nuôi các con vài tháng một lần, tuy nhiên từ tháng 4 năm 2023 đến nay anh K đã ngừng hỗ trợ, việc chăm sóc và nuôi dưỡng các con chủ yếu do chị T và bố mẹ vợ là ông Đ và bà L đảm nhận. Anh K xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn với chị Hoàng Thị Thu T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Bàn Văn K và chị Hoàng Thị Thu T có 03 con chung là cháu Bàn Linh N, sinh ngày 10/10/2013, Bàn Linh Đ, sinh ngày 10/10/2017 và Bàn Minh K1, sinh ngày 10/5/2021; sau khi ly hôn anh K đồng ý giao cả 03 cháu là Bàn Linh N, Bàn Linh Đ và Bàn Minh K1 cho chị Hoàng Thị Thu T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*/tháng (cụ thể: Cấp dưỡng nuôi cháu N là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cháu Đ là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cháu K1 là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/tháng), phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, hiện nay các con đang sống cùng bố mẹ đẻ của chị T là ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị L tại thôn LC, xã YN, tỉnh Tuyên Quang. Hiện chị T vẫn đang ở nước ngoài nên anh K ủy quyền cho bố mẹ đẻ của chị T nuôi dưỡng các con chung trong thời gian chị T làm việc ở nước ngoài cho đến khi chị T về Việt Nam.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh K đang ở nước ngoài nên anh K xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; anh K đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa. Anh K ủy quyền cho chị Hoàng Phương L. Địa chỉ: S3, N115 NK, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội thay mặt và nhân danh anh K giao nộp giấy tờ, được nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt, nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí, biên lai tạm ứng án phí cho Tòa án.

Tại bản tự khai đề ngày 03/6/2025 được chị Hoàng Thị Thu T chứng thực tại Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc ngày 03/6/2025, bị đơn chị Hoàng Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Bàn Văn K được tự do tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tháng 8 năm 2019 vợ chồng cùng nhau đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến tháng 3 năm 2021 chị T mang thai nên chị T quyết định chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn để trở về Việt Nam sinh con, còn anh K tiếp tục ở lại Đài Loan làm việc. Từ khi chị T về Việt Nam giữa chị T và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi nên khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước, sau nhiều lần hàn gắn tình cảm cuộc sống vợ chồng vẫn không có nhiều tiến triển tốt. Tháng 7 năm 2023 chị T đi xuất khẩu lao động tại Singapore đến tháng 01 năm 2025 thì quay lại Đài Loan. Kể từ năm 2021 chị T và anh K đã sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong thời gian sống ly thân anh K có về Việt Nam 02 lần nhưng chị T và anh K không gặp nhau, thỉnh thoảng anh K có gửi tiền cấp dưỡng nuôi các con, tuy nhiên từ tháng 4 năm 2023 đến nay anh K đã ngừng hỗ trợ, việc chăm sóc và nuôi dưỡng các con chủ yếu do chị T và bố mẹ đẻ chị T đảm nhận. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh K có đơn khởi kiện ly hôn chị T hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Hoàng Thị Thu T và anh Bàn Văn K có 03 con chung là cháu Bàn Linh N, sinh ngày 10/10/2013, Bàn Linh Đ, sinh ngày 10/10/2017 và Bàn Minh K1, sinh ngày 10/5/2021; sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con là 5.000.000^{đ} *(Năm triệu đồng)*/tháng; cụ thể: Cấp dưỡng nuôi cháu N là 1.500.000^{đ} *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cháu Đ là 1.500.000^{đ} *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cháu K1 là 2.000.000^{đ} *(Hai triệu đồng)*/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, hiện nay các con đang sống cùng bố mẹ đẻ của chị T là ông

Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị L tại thôn LC, xã YN, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay chị T vẫn đang ở nước ngoài nên chị T ủy quyền cho bố mẹ đẻ nuôi dưỡng các con trong thời gian chị T làm việc ở nước ngoài cho đến khi chị T về Việt Nam.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị T đang ở nước ngoài chị T xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị T đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị T tại phiên tòa. Chị T ủy quyền cho anh Nguyễn Văn H. Địa chỉ: S3, N115 NK, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội thay mặt và nhân danh chị T giao nộp giấy tờ, được nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/9/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị L trình bày:

Ông Hoàng Văn Đ, bà Hoàng Thị L là bố mẹ đẻ của chị Hoàng Thị Thu T. Chị T và K đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn chị T và anh K chung sống tại thôn LC, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang và sinh được 03 người con chung là cháu Bàn Linh N, sinh ngày 10/10/2013, Bàn Linh Đ, sinh ngày 10/10/2017 và Bàn Minh K1, sinh ngày 10/5/2021, hiện nay các cháu đang do ông Đ và bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ, bà L đồng ý nhận sự ủy quyền của chị T và anh K về việc sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu là 5.000.000^{đ} *(Năm triệu đồng)*/tháng; cụ thể: Cấp dưỡng nuôi cháu N là 1.500.000^{đ} *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cháu Đ là 1.500.000^{đ} *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cháu K1 là 2.000.000^{đ} *(Hai triệu đồng)*/tháng), trong thời gian chị T chưa trở về Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi con thì ông Đ, bà L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và nhất trí với mức cấp dưỡng của anh K.

Tại biên bản ghi ý kiến của các con chưa thành niên ngày 05/9/2025 cháu Bàn Linh N và cháu Bàn Linh Đ cùng trình bày sau khi anh Bàn Văn K và chị Hoàng Thị Thu T ly hôn nguyện vọng mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bàn Văn K, bị đơn chị Hoàng Thị Thu T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong quá trình giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt giữ nguyên ý kiến, quan điểm về việc nhận ủy quyền nuôi dưỡng con chung của anh K và chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét

xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận Nệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bàn Văn K, cho anh Bàn Văn K được ly hôn chị Hoàng Thị Thu T.

Về con chung: Giao cháu Bàn Linh N, sinh ngày 10/10/2013, Bàn Linh Đ, sinh ngày 10/10/2017 và Bàn Minh K1, sinh ngày 10/5/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con là 5.000.000^{đ} *(Năm triệu đồng)*/tháng; cụ thể: Cấp dưỡng nuôi cháu N là 1.500.000^{đ} *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cháu Đ là 1.500.000^{đ} *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cháu K1 là 2.000.000^{đ} *(Hai triệu đồng)*/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị T ở nước ngoài thì tạm giao 03 cháu cho ông Đ và bà L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu cho đến khi chị T về Việt Nam thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi con. Anh K có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đều không có, không đề nghị xem xét.

Về án phí: Anh Bàn Văn K phải chịu 300.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000^{đ} án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng số tiền anh K phải nộp là 600.000^{đ} nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000^{đ} theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh K còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000^{đ} án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; chị Hoàng Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bàn Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Hoàng Thị Thu T; chị Hoàng Thị Thu T có đăng ký thường trú tại thôn LC, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn LC, xã YN, tỉnh Tuyên Quang). Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Bàn Văn K, bị đơn chị Hoàng Thị Thu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ bà Hoàng Thị L đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đều giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong quá trình giải quyết tại Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Bàn Văn K và chị Hoàng Thị Thu T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã YN, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 46 ngày 21/11/2011. Sau khi đăng ký kết hôn, anh K và chị T chung sống tại thôn LC, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân đến nay, hiện anh K và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục được, anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị T là thực tế, mâu thuẫn thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K, xử cho anh Bàn Văn K được ly hôn với chị Hoàng Thị Thu T.

[2.2] Về con chung: Anh Bàn Văn K và chị Hoàng Thị Thu T có 03 con chung là cháu Bàn Linh N, sinh ngày 10/10/2013, Bàn Linh Đ, sinh ngày

10/10/2017 và Bàn Minh K1, sinh ngày 10/5/2021; sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, cháu Đ và cháu K1 và yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 cháu là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*/tháng; cụ thể: Cấp dưỡng nuôi cháu N là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cháu Đ là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cháu K1 là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Sau khi ly hôn anh K nhất trí giao cả 03 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu N, cháu Đ đều trình bày có nguyện vọng được ở với chị T khi bố mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu N, cháu Đ và cháu K1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh K có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, tạm giao các cháu Bàn Linh N, Bàn Linh Đ và Bàn Minh K1 cho ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị T trở về Việt Nam thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi con. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Bàn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định; chị Hoàng Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm

quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Bàn Văn K, cho anh Bàn Văn K được ly hôn chị Hoàng Thị Thu T (Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 21/11/2011 của UBND xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang - Nay là UBND xã YN, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Linh N, sinh ngày 10/10/2013, Bàn Linh Đ, sinh ngày 10/10/2017 và Bàn Minh K1, sinh ngày 10/5/2021 cho chị Hoàng Thị Thu T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Bàn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*/tháng; cụ thể: Cấp dưỡng nuôi cháu N là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cháu Đ là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cháu K1 là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tạm giao các cháu Bàn Linh N, Bàn Linh Đ và Bàn Minh K1 cho ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị T trở về Việt Nam thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi con. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Anh Bàn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Tổng số tiền anh K phải nộp là 600.000đ *(Sáu trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0000358, ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh K phải nộp tiếp số tiền là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hoàng Thị Thu T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 *(một)* tháng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 - Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã YN (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh